

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
HIGH-TECH MATERIALS
MASAN HIGH-TECH MATERIALS
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No.: 87/2026/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2026
Ho Chi Minh City, 07 July, 2026

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH – TECH MATERIALS
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS OF
MASAN HIGH – TECH MATERIALS CORPORATION**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOARD OF DIRECTORS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of Vietnam on June 17, 2020 and its implementing documents;
- Căn cứ Điều lệ ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials (“**Công Ty**”), như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm; và
*Pursuant to the Charter dated April 12, 2021 of Masan High-Tech Materials Corporation (the “**Company**”), as amended, supplemented from time to time; and*
- Căn cứ Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 của Công ty số 84/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026.
Pursuant to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Company No. 84/2026/NQ- ĐHĐCĐ dated 16nd April 2026.
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty số 87/2026/BBH-HĐQT ngày 02 tháng 7 năm 2026,
Pursuant to Minutes of Meeting of the Members’ Council No. 87/2026/BBH-HĐTV dated 02 July, 2026.



QUYẾT NGHỊ:

RESOLVES:

Điều 1. Thông qua Quy chế chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2026 của Công ty (đính kèm).

Article 1. *To approve the Regulations on the Company's 2026 share issuance program under the employee option program (ESOP) (attached).*

Điều 2. Thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như được quy định tại phụ lục đính kèm.

Article 2. *Approve the list of employees eligible to participate in the share issuance program under the employee option program (ESOP) as specified in the attached appendix.*

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc Công ty, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3. *The Company's Board of Directors, relevant individuals and departments are responsible for implementing this Resolution.*

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Article 4. *This Resolution takes effect from the date of signing.*



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

FOR AND ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



LE DANNY

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH – TECH MATERIALS

GCN ĐKDN số: 0309966889, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/04/2010,
được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6256 3862

Fax: (84-28) 3827 4115

M A S A N
HIGH-TECH MATERIALS



QUY CHẾ

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN THEO

CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

NĂM 2026

Chương trình phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Gọi tắt là “Chương trình ESOP”) là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Masan High – Tech Materials (Gọi tắt là “Công ty” hoặc “Masan High Tech”) và các Công ty con trong Tập đoàn (có đủ điều kiện và tiêu chuẩn, điều kiện – tiêu chuẩn để tham gia chương trình sẽ được trình bày ở sau) cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty thông qua việc có cơ hội sở hữu cổ phần Công ty với giá ưu đãi so với giá thị trường.

1 MỤC ĐÍCH

- Phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.

2 CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty ngày 12/4/2021, được sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm (“Điều lệ”);
- Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty số 84/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động; và
- Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số .86./2026/NQ-HĐQT ngày 02/.7./2026 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

3 ĐỊNH NGHĨA

- “**Chương trình ESOP**”: là Chương trình phát hành cổ phần của Công ty một cách trực tiếp cho CBNV theo quy định của Quy chế này.
- “**Cán bộ, nhân viên**”, “**CBNV**”: là những người lao động, nhân viên của Công ty, các Công ty con trong Tập đoàn.
- “**Thành viên ESOP**”: là CBNV được xét chọn và đã thực hiện việc mua cổ phần từ Chương trình ESOP.

- “**HĐQT**”: là Hội đồng Quản trị
- “**ĐHĐCĐ**”: là Đại hội đồng cổ đông.
- “**Tập đoàn**”: bao gồm Công ty và các Công ty con.
- “**Công ty**”: là Công ty Cổ phần Masan High – Tech Materials.

4 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP

4.1. Nguyên tắc của Chương trình ESOP

- CBNV tham gia Chương trình ESOP một cách hoàn toàn tự nguyện và có quyền, nghĩa vụ theo Quy chế này.
- Nguồn cổ phần cho Chương trình ESOP: phát hành thêm 5.175.900 cổ phần, tương đương với tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá là 51.759.000.000 đồng.
- Loại cổ phần áp dụng cho Chương trình ESOP: cổ phần phổ thông.
- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc việc thu tiền của người lao động) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4.2. Đối tượng tham gia Chương trình ESOP: là nhân viên của Công ty và các Công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.

4.3. Quyền và nghĩa vụ Thành viên ESOP

- Được hưởng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định, quy chế của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Thành viên ESOP.
- Cam kết nỗ lực trong việc đạt mục tiêu được giao và ngày càng mang lại nhiều hiệu quả hơn cho công việc của bộ phận mà Thành viên ESOP làm việc.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên ESOP

- Chịu trách nhiệm phát hành cổ phần ESOP theo đúng đối tượng và số lượng được duyệt.

- Công bố thông tin về việc phát hành và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ESOP theo quy định.

4.5. Các tiêu chuẩn xác định cổ phiếu được phân phối cho từng CBNV

Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn 1: Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
- Tiêu chuẩn 2: Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
- Tiêu chuẩn 3: Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
- Tiêu chuẩn 4: Chức vụ;
- Tiêu chuẩn 5: Mức lương; và
- Tiêu chuẩn 6: Ngạch bậc.

4.6. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.
- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.
- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 5 tiêu chí:

- Hệ số Kết quả kinh doanh của Công ty (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả kinh doanh của công ty	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)
Không đạt Kế hoạch kinh doanh	Tối đa 0,65
Đạt kế hoạch kinh doanh ở mức thấp	0,65 - 0,8
Nằm trong khung kế hoạch kinh doanh ở mức thấp và mức cao	0,8 - 0,9
Đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh ở mức cao	0,9 - 1,0

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (Tiêu chuẩn 3):

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, bao gồm chức vụ, mức lương và ngạch bậc (Tiêu chuẩn 4,5,6):

Cấp bậc	Điểm cấp bậc	Hệ số cấp bậc (1 điểm = hệ số 0.0001) (c)
Cấp bậc nhân viên (rank 5)	2-4	0,002 – 0,004
Cấp bậc nhân viên (rank 4)	6 - 10	0,006 – 0,010
Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	15 - 25	0,015 – 0,025
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	30 - 60	0,030 – 0,060
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	Từ 80 trở lên	Từ 0,080 trở lên

- Hệ số công việc (Tiêu chuẩn 2, 3): là hệ số thể hiện tính chất công việc (trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách), kết quả đóng góp của cá nhân cho sự phát triển của Công ty và các công ty con, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2025.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (d)
Ít quan trọng	0,1 – 0,59
Quan trọng	0,6 – 0,99
Rất quan trọng	1 - 2

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (Tiêu chuẩn 3):

Lưu ý: Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (e)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,5 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,71 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	1 trở lên

- Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch, mang lại kết quả đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty và các công ty con sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (g)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 05 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (làm tròn):

$$ESOP_i = \text{Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) \times (e) + (g)$$

Trong đó:

- ESOP_i: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động i được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 10.998.295 cổ phiếu
- (a): Hệ số Kết quả kinh doanh của công ty thành viên nơi Người lao động i làm việc
- (b): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động i
- (c): Là hệ số cấp bậc của Người lao động i
- (d): Là hệ số công việc của Người lao động i
- (e): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i

- (g): Số cổ phiếu Người lao động i được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2025

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
 - Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
 - Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả của dự án,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa** là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.

Căn cứ theo các tiêu chuẩn và nguyên tắc nêu trên, Hội đồng Quản trị quyết định danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP và số cổ phần phân phối cho từng người lao động.

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn, nguyên tắc và tiêu chí tại Quy chế này, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị sẽ cân đối, điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.

4.7. Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Chương trình ESOP:

- HĐQT Công ty có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế Chương trình ESOP phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty và các Công ty con.
- Khi có quy định mới của pháp luật liên quan đến việc phát hành cổ phần theo Chương trình lựa chọn cho người lao động, Quy chế này sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

TP. HCM, ngày 16 tháng 7 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH -
TECH MATERIALS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LE DANNY

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

(đính kèm Nghị quyết HĐQT số 8.7/2026/NQ-HĐQT ngày 02/7/2026)

STT	Họ và tên
1.	Michael Glover
2.	Aditya Agarwal
3.	Justin Adam Davey
4.	Prateek Singhal
5.	Đoàn Việt Hùng
6.	Trần Thanh Tâm
7.	Hoàng Ngọc Hiếu
8.	Bạch Thị Ngọc
9.	Phạm Thị Huệ
10.	Trần Minh Phương
11.	Hoàng Trọng Bình
12.	An Thị Ngọc
13.	Kiều Trí Khang
14.	Võ Diệu Thu
15.	Phạm Thị Trường Giang
16.	Đặng Thị Thu Phương
17.	Chu Văn Chính
18.	Nguyễn Thị Hồng Phương
19.	Phạm Văn Sơn
20.	Trần Văn Ninh
21.	Vũ Thanh Trà
22.	Trương Thế Mạnh
23.	Chu Văn Duy
24.	Nguyễn Hữu Thương
25.	Nguyễn Duy Kiên
26.	Dương Công Chiến
27.	Lưu Thị Hồng Anh
28.	Lê Anh Dũng
29.	Nguyễn Thị Miên
30.	Lưu Đức Kiên
31.	Lê Thành Trung
32.	Tạ Văn Thuận
33.	Đoàn Quốc Huy
34.	Đoàn Quang Duy
35.	Phạm Việt Quốc Khánh
36.	Phùng Văn Hòa
37.	Trần Ngọc Lâm
38.	Trần Quang Tùng
39.	Đào Văn Chung
40.	Phùng Xuân Trường
41.	Trần Văn Hoàng
42.	Nguyễn Tuấn Anh
43.	Nguyễn Thị Thu Phương

44.	Tạc Văn Trọng
45.	Nguyễn Thị Quỳnh
46.	Ngô Anh Tuấn
47.	Bùi Công Thanh
48.	Nguyễn Ngọc Hà
49.	Ma Hải Dương
50.	Trần Văn Tuấn
51.	Đào Đức Việt
52.	Vũ Đình Duy
53.	Triệu Thị Chiêu
54.	Nguyễn Thái Dương
55.	Trần Mạnh Hùng
56.	Ngô Quang Trung
57.	Nguyễn Thị Thúy
58.	Hoàng Văn Luận
59.	Trần Khánh Linh
60.	Nguyễn Thị Thanh Nga
61.	Đông Đức Mạnh
62.	Vũ Thị Bích Hồng
63.	Dương Thị Hậu
64.	Nguyễn Văn Hội
65.	Vũ Văn Đoàn
66.	Nguyễn Văn Anh
67.	Nguyễn Thị Thủy
68.	Phạm Nguyên Hải
69.	Phạm Văn Hào
70.	Ngô Anh Tuấn
71.	Đặng Thị Quỳnh Phương
72.	Kiều Văn Hòa
73.	Nguyễn Thị Thanh Mai
74.	Quách Đăng Hoàng
75.	Phạm Thị Thúy
76.	Đào Thị Hằng
77.	Nguyễn Việt Trường
78.	Nguyễn Văn Ngộ
79.	Ngô Văn Nam
80.	Tạ Duy
81.	Lương Xuân Trường
82.	Hoàng Ngọc Hà
83.	Nguyễn Huy Du
84.	Nguyễn Hà Giang
85.	Vũ Thị Thúy
86.	Hoàng Văn Đào
87.	Dương Thanh Hải
88.	Nguyễn Hồng Đức
89.	Rư Tuấn Anh
90.	Nguyễn Hải Sơn
91.	Chu Huy Mân
92.	Tô Thanh Hoàn

93.	Mã Quốc Quân
94.	Phan Thanh Hoàng
95.	Đình Mạnh Nam
96.	Phạm Ngọc Thành
97.	Nguyễn Mạnh Thiết
98.	Lâm Văn Quân
99.	Trần Vũ Thịnh
100.	Bùi Mạnh Sơn
101.	Lê Văn Chất
102.	Dương Văn Đức
103.	Lương Ngọc Đức
104.	Bùi Văn Kiên
105.	Phạm Thị Thanh
106.	Phạm Minh Luân
107.	Nguyễn Văn Đại
108.	Nguyễn Văn Sơn
109.	Lê Công Đoàn
110.	Chu Thị Quỳnh Hoa
111.	Vũ Thanh Tùng
112.	Lương Văn Cương
113.	Đỗ Thị Hà
114.	Ngô Anh Tú
115.	Đỗ Bá Tuấn
116.	Hoàng Minh Tùng
117.	Lương Mạnh Duy
118.	Lại Thị Mai Phương
119.	Phạm Thị Hồng Hạnh
120.	Đình Thị Tú Oanh
121.	Bế Văn Cương
122.	Lê Linh Bằng
123.	Lê Duy Khánh
124.	Đàm Văn Duyên
125.	Nguyễn Đình Tiến
126.	Nguyễn Ngọc Tuấn
127.	Lê Thị Thu Trang
128.	Nghiêm Văn Công
129.	Phùng Xuân Quân
130.	Nguyễn Thiên Hiệp
131.	Nguyễn Văn Hải
132.	Trần Thị Minh Hải
133.	Phạm Thị Thu Hoàn
134.	Trần Đức Quang
135.	Lương Thùy Trang
136.	Lê Hạnh Quyên
137.	Lê Ngọc Thùy
138.	Đặng Văn Sơn
139.	Nguyễn Bá Nghị
140.	Bùi Văn Hoàng
141.	Hứa Thị Thúy

142.	Dương Văn Hai
143.	Nguyễn Thị Thu Hiền
144.	Đình Cao Thắng
145.	Nguyễn Văn Dũng
146.	Trần Thị Thúy
147.	Đặng Thị Ngọc Anh
148.	Nguyễn Văn Hoàn
149.	Đào Thùy Trang
150.	Hà Hải Ninh
151.	Trịnh Lan Phương
152.	Nguyễn Duy Đức
153.	Nguyễn Văn Khánh
154.	Đình Doãn Nam
155.	Nguyễn Thương Thương
156.	Nguyễn Thanh Hà
157.	Chu Diệu Quỳnh
158.	Bùi Anh Tuấn
159.	Lê Văn Tuấn
160.	Nguyễn Thu Hà
161.	Nguyễn Ngọc Chi
162.	Phạm Thị Minh Nguyệt
163.	Nguyễn Thị Tuyết
164.	Nguyễn Hồng Phong
165.	Nguyễn Tiến Đạt
166.	Vũ Thị Thúy Hương
167.	Trần Thị Phương Thanh

**BẢNG TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA
THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

(kèm theo Danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP tại Nghị quyết HĐQT
số 87/2026/NQ-HĐQT ngày 21/7/2026)

ST T	Họ tên	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)	Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)	Hệ số cấp bậc (c)	Hệ số công việc (d)	Hệ số kết quả công việc của cá nhân (e)	Số lượng ESOP được phân phối thêm (cổ phiếu) (g)	Số lượng ESOP tối đa được mua (=10.998.295 x a x b x c x d x e + g) (cổ phiếu)
1.	Michael Glover	0,80	0,80	0,0800	1,000	0,746388	0	420.300
2.	Aditya Agarwal	0,80	0,65	0,0600	0,700	0,638211	0	153.300
3.	Justin Adam Davey	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,826575	0	26.000
4.	Prateek Singhal	0,80	0,65	0,0300	0,910	0,960730	0	150.000
5.	Đoàn Việt Hùng	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,590411	0	20.000
6.	Trần Thanh Tâm	0,80	0,68	0,0250	0,550	0,638165	0	52.500
7.	Hoàng Ngọc Hiếu	0,80	0,80	0,0030	0,600	0,749850	0	9.500
8.	Bạch Thị Ngọc	0,80	0,70	0,0250	0,550	0,519562	0	44.000
9.	Phạm Thị Huệ	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,588140	0	18.500
10.	Trần Minh Phương	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,870856	0	29.500
11.	Hoàng Trọng Bình	0,80	0,65	0,0080	0,550	0,520583	0	13.100
12.	An Thị Ngọc	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,678972	0	23.000
13.	Kiều Trí Khang	0,80	0,70	0,0100	0,740	0,941266	0	42.900
14.	Võ Diệu Thu	0,80	0,65	0,0070	0,550	0,567703	0	12.500
15.	Phạm Thị Trường Giang	0,80	0,62	0,0060	0,550	0,555494	0	10.000
16.	Đặng Thị Thu Phương	0,80	0,70	0,0250	0,580	0,940585	0	84.000
17.	Chu Văn Chinh	0,80	0,65	0,0040	0,680	0,944974	0	14.700
18.	Nguyễn Thị Hồng Phương	0,80	0,68	0,0250	0,600	0,935974	0	84.000
19.	Phạm Văn Sơn	0,80	0,68	0,0020	0,350	0,501415	0	2.100
20.	Trần Văn Ninh	0,80	0,80	0,0040	0,550	0,626389	0	9.700
21.	Vũ Thanh Trà	0,80	0,70	0,0040	0,550	0,811815	0	11.000
22.	Trương Thế Mạnh	0,80	0,70	0,0100	0,560	0,933587	0	32.200
23.	Chu Văn Duy	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,858366	0	27.000
24.	Nguyễn Hữu Thương	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,867904	0	33.600
25.	Nguyễn Duy Kiên	0,80	0,80	0,0100	0,660	0,942812	0	43.800
26.	Dương Công Chiến	0,80	0,80	0,0100	0,600	0,947117	0	40.000
27.	Lưu Thị Hồng Anh	0,80	0,65	0,0100	0,570	0,935614	0	30.500
28.	Lê Anh Dũng	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,666426	0	25.800
29.	Nguyễn Thị Miên	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,752122	0	9.900
30.	Lưu Đức Kiên	0,80	0,68	0,0100	0,610	0,939810	0	34.300
31.	Lê Thành Trung	0,80	0,65	0,0250	0,550	0,602764	0	47.400
32.	Tạ Văn Thuận	0,80	0,68	0,0100	0,610	0,939810	0	34.300
33.	Đoàn Quốc Huy	0,80	0,65	0,0250	0,550	0,572244	0	45.000
34.	Đoàn Quang Duy	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,667618	0	21.000
35.	Phạm Việt Quốc Khánh	0,80	0,68	0,0250	0,550	0,559154	0	46.000

36.	Phùng Văn Hòa	0,80	0,72	0,0250	0,550	0,712921	0	62.100
37.	Trần Ngọc Lâm	0,80	0,68	0,0040	0,700	0,949107	0	15.900
38.	Trần Quang Tùng	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,884314	0	29.100
39.	Đào Văn Chung	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,881275	0	29.000
40.	Phùng Xuân Trường	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,832933	0	26.200
41.	Trần Văn Hoàng	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,539857	0	20.900
42.	Nguyễn Tuấn Anh	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,759720	0	10.000
43.	Nguyễn Thị Thu Phương	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,524207	0	6.900
44.	Tạc Văn Trọng	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,934455	0	12.300
45.	Nguyễn Thị Quỳnh	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,546998	0	18.000
46.	Ngô Anh Tuấn	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,759720	0	25.000
47.	Bùi Công Thanh	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,629469	0	19.800
48.	Nguyễn Ngọc Hà	0,80	0,65	0,0040	0,550	0,794784	0	10.000
49.	Ma Hải Dương	0,80	0,65	0,0080	0,550	0,532505	0	13.400
50.	Trần Văn Tuấn	0,80	0,65	0,0250	0,590	0,936497	0	79.000
51.	Đào Đức Việt	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,715305	0	22.500
52.	Vũ Đình Duy	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,890158	0	28.000
53.	Triệu Thị Chiêu	0,80	0,65	0,0040	0,550	0,778888	0	9.800
54.	Nguyễn Thái Dương	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,607776	0	20.000
55.	Trần Mạnh Hùng	0,80	0,68	0,0100	0,660	0,936987	0	37.000
56.	Ngô Quang Trung	0,80	0,68	0,0040	0,770	0,938796	0	17.300
57.	Nguyễn Thị Thúy	0,80	0,65	0,0040	0,560	0,936709	0	12.000
58.	Hoàng Văn Luận	0,80	0,80	0,0030	0,550	0,542440	0	6.300
59.	Trần Khánh Linh	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,794784	0	25.000
60.	Nguyễn Thị Thanh Nga	0,80	0,65	0,0250	0,660	0,945263	0	89.200
61.	Đông Đức Mạnh	0,80	0,62	0,0040	0,550	0,583269	0	7.000
62.	Vũ Thị Bích Hồng	0,80	0,68	0,0040	0,740	0,937330	0	16.600
63.	Dương Thị Hậu	0,80	0,65	0,0060	0,550	0,529856	0	10.000
64.	Nguyễn Văn Hội	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,872158	0	28.700
65.	Vũ Văn Đoàn	0,80	0,65	0,0090	0,550	0,529856	0	15.000
66.	Nguyễn Văn Anh	0,80	0,65	0,0040	0,700	0,936709	0	15.000
67.	Nguyễn Thị Thủy	0,80	0,80	0,0040	0,550	0,787829	0	12.200
68.	Phạm Nguyên Hải	0,80	0,80	0,0250	0,600	0,935752	0	98.800
69.	Phạm Văn Hào	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,584984	0	7.700
70.	Ngô Anh Tuấn	0,80	0,75	0,0100	0,550	0,743917	0	27.000
71.	Đặng Thị Quỳnh Phương	0,80	0,60	0,0150	0,500	0,505129	0	20.000
72.	Kiều Văn Hòa	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,911663	0	30.000
73.	Nguyễn Thị Thanh Mai	0,80	0,68	0,0250	0,780	0,942831	0	110.000
74.	Quách Đăng Hoàng	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,823536	0	27.100
75.	Phạm Thị Thúy	0,80	0,62	0,0100	0,550	0,666593	0	20.000
76.	Đào Thị Hằng	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,607776	0	20.000
77.	Nguyễn Việt Trường	0,80	0,68	0,0100	0,570	0,938320	0	32.000
78.	Nguyễn Văn Ngọc	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,858366	0	27.000
79.	Ngô Văn Nam	0,80	0,65	0,0060	0,550	0,529856	0	10.000
80.	Tạ Duy	0,80	0,65	0,0060	0,290	0,502450	0	5.000
81.	Lương Xuân Trường	0,80	0,65	0,0020	0,260	0,504382	0	1.500
82.	Hoàng Ngọc Hà	0,80	0,65	0,0100	0,590	0,948352	0	32.000

83.	Nguyễn Huy Du	0,80	0,65	0,0100	0,610	0,945923	0	33.000
84.	Nguyễn Hà Giang	0,80	0,65	0,0100	0,610	0,945923	0	33.000
85.	Vũ Thị Thúy	0,80	0,70	0,0160	0,080	0,507384	0	4.000
86.	Hoàng Văn Đào	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,790108	0	10.400
87.	Dương Thanh Hải	0,80	0,68	0,0020	0,250	0,501415	0	1.500
88.	Nguyễn Hồng Đức	0,80	0,68	0,0100	0,770	0,946393	0	43.600
89.	Rư Tuấn Anh	0,80	0,68	0,0100	0,650	0,946260	0	36.800
90.	Nguyễn Hải Sơn	0,80	0,68	0,0100	0,740	0,948623	0	42.000
91.	Chu Huy Mân	0,80	0,68	0,0100	0,710	0,941624	0	40.000
92.	Tô Thanh Hoàn	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,759720	0	10.000
93.	Mã Quốc Quân	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,797706	0	10.500
94.	Phan Thanh Hoàng	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,902547	0	29.700
95.	Đinh Mạnh Nam	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,790108	0	26.000
96.	Phạm Ngọc Thành	0,80	0,68	0,0100	0,730	0,938722	0	41.000
97.	Nguyễn Mạnh Thiết	0,80	0,68	0,0100	0,710	0,946332	0	40.200
98.	Lâm Văn Quân	0,80	0,75	0,0250	0,550	0,848617	0	77.000
99.	Trần Vũ Thịnh	0,80	0,68	0,0100	0,610	0,945290	0	34.500
100.	Bùi Mạnh Sơn	0,80	0,68	0,0100	0,630	0,939158	0	35.400
101.	Lê Văn Chất	0,80	0,68	0,0100	0,700	0,938362	0	39.300
102.	Dương Văn Đức	0,80	0,68	0,0250	0,580	0,942891	0	81.800
103.	Lương Ngọc Đức	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,790108	0	10.400
104.	Bùi Văn Kiên	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,729331	0	9.600
105.	Phạm Thị Thanh	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,683748	0	9.000
106.	Phạm Minh Luân	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,683748	0	9.000
107.	Nguyễn Văn Đại	0,80	0,68	0,0250	0,550	0,835084	0	68.700
108.	Nguyễn Văn Sơn	0,80	0,68	0,0020	0,030	0,557128	0	200
109.	Lê Công Đoàn	0,80	0,68	0,0100	0,670	0,940465	0	37.700
110.	Chu Thị Quỳnh Hoa	0,80	0,62	0,0030	0,550	0,611043	0	5.500
111.	Vũ Thanh Tùng	0,80	0,68	0,0250	0,550	0,849670	0	69.900
112.	Lương Văn Cương	0,80	0,62	0,0040	0,570	0,940685	0	11.700
113.	Đỗ Thị Hà	0,80	0,62	0,0040	0,560	0,941116	0	11.500
114.	Ngô Anh Tú	0,80	0,62	0,0040	0,550	0,633263	0	7.600
115.	Đỗ Bá Tuấn	0,80	0,65	0,0250	0,550	0,654902	0	51.500
116.	Hoàng Minh Tùng	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,860003	0	28.300
117.	Lương Mạnh Duy	0,80	0,62	0,0020	0,470	0,507036	0	2.600
118.	Lại Thị Mai Phương	0,80	0,62	0,0040	0,630	0,945662	0	13.000
119.	Phạm Thị Hồng Hạnh	0,80	0,70	0,0250	0,550	0,841926	0	71.300
120.	Đinh Thị Tú Oanh	0,80	0,68	0,0060	0,050	0,557128	0	1.000
121.	Bế Văn Cương	0,80	0,80	0,0060	0,470	0,503786	0	10.000
122.	Lê Linh Bằng	0,80	0,75	0,0100	0,550	0,644729	0	23.400
123.	Lê Duy Khánh	0,80	0,68	0,0100	0,590	0,949006	0	33.500
124.	Đàm Văn Duyên	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,720670	0	27.900
125.	Nguyễn Đình Tiến	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,687090	0	26.600
126.	Nguyễn Ngọc Tuấn	0,80	0,68	0,0100	0,550	0,780992	0	25.700
127.	Lê Thị Thu Trang	0,80	0,68	0,0060	0,550	0,506480	0	10.000
128.	Nghiêm Văn Công	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,534322	0	18.100
129.	Phùng Xuân Quân	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,576020	0	22.300

130.	Nguyễn Thiên Hiệp	0,80	0,75	0,0100	0,650	0,941871	0	40.400
131.	Nguyễn Văn Hải	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,661260	0	25.600
132.	Trần Thị Minh Hải	0,80	0,70	0,0100	0,590	0,935651	0	34.000
133.	Phạm Thị Thu Hoàn	0,80	0,70	0,0150	0,250	0,519562	0	12.000
134.	Trần Đức Quang	0,80	0,72	0,0100	0,550	0,763434	0	26.600
135.	Lương Thùy Trang	0,80	0,80	0,0060	0,470	0,503786	0	10.000
136.	Lê Hạnh Quyên	0,80	0,68	0,0040	0,680	0,940153	0	15.300
137.	Lê Ngọc Thùy	0,80	0,75	0,0040	0,560	0,947117	0	14.000
138.	Đặng Văn Sơn	0,80	0,80	0,0090	0,550	0,513739	0	17.900
139.	Nguyễn Bá Nghị	0,80	0,72	0,0250	0,550	0,803615	0	70.000
140.	Bùi Văn Hoàng	0,80	0,80	0,0100	0,700	0,949823	0	46.800
141.	Hứa Thị Thúy	0,80	0,70	0,0080	0,550	0,553510	0	15.000
142.	Dương Văn Hai	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,686693	0	21.600
143.	Nguyễn Thị Thu Hiền	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,759720	0	10.000
144.	Đinh Cao Thắng	0,80	0,65	0,0100	0,550	0,871083	0	27.400
145.	Nguyễn Văn Dũng	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,829527	0	28.100
146.	Trần Thị Thúy	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,678972	0	23.000
147.	Đặng Thị Ngọc Anh	0,80	0,80	0,0020	0,280	0,507384	0	2.000
148.	Nguyễn Văn Hoàn	0,80	0,65	0,0250	0,690	0,947751	0	93.500
149.	Đào Thùy Trang	0,80	0,68	0,0100	0,710	0,941624	0	40.000
150.	Hà Hải Ninh	0,80	0,68	0,0250	0,550	0,525118	0	43.200
151.	Trịnh Lan Phương	0,80	0,75	0,0060	0,280	0,505129	0	5.600
152.	Nguyễn Duy Đức	0,80	0,75	0,0100	0,550	0,597889	0	21.700
153.	Nguyễn Văn Khánh	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,828094	0	10.900
154.	Đinh Doãn Nam	0,80	0,62	0,0100	0,550	0,566604	0	17.000
155.	Nguyễn Thương Thương	0,80	0,65	0,0040	0,550	0,731201	0	9.200
156.	Nguyễn Thanh Hà	0,80	0,68	0,0040	0,550	0,607776	0	8.000
157.	Chu Diệu Quỳnh	0,80	0,70	0,0040	0,550	0,568270	0	7.700
158.	Bùi Anh Tuấn	0,80	0,80	0,0100	0,680	0,942242	0	45.100
159.	Lê Văn Tuấn	0,80	0,65	0,0250	0,550	0,574788	0	45.200
160.	Nguyễn Thu Hà	0,80	0,62	0,0100	0,550	0,819909	0	24.600
161.	Nguyễn Ngọc Chi	0,80	0,70	0,0100	0,550	0,643548	0	21.800
162.	Phạm Thị Minh Nguyệt	0,80	0,62	0,0100	0,550	0,766582	0	23.000
163.	Nguyễn Thị Tuyết	0,80	0,62	0,0100	0,550	0,766582	0	23.000
164.	Nguyễn Hồng Phong	0,80	0,80	0,0100	0,690	0,947117	0	46.000
165.	Nguyễn Tiến Đạt	0,80	0,80	0,0100	0,550	0,694840	0	26.900
166.	Vũ Thị Thúy Hường	0,80	0,70	0,0040	0,560	0,949533	0	13.100
167.	Trần Thị Phương Thanh	0,80	0,80	0,0030	0,550	0,542440	0	6.300
Tổng cộng								5.175.900